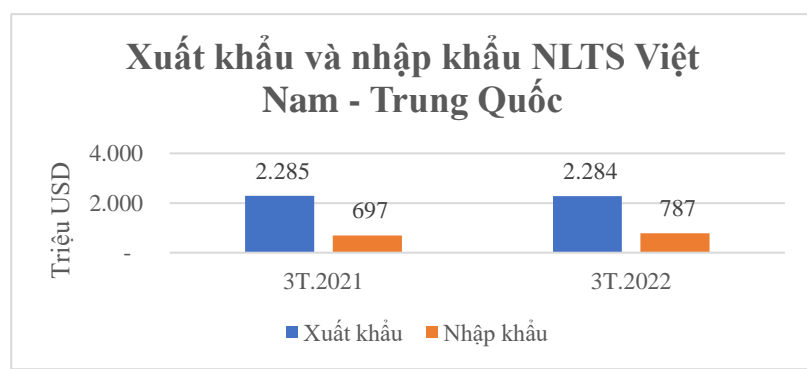


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường TRUNG QUỐC

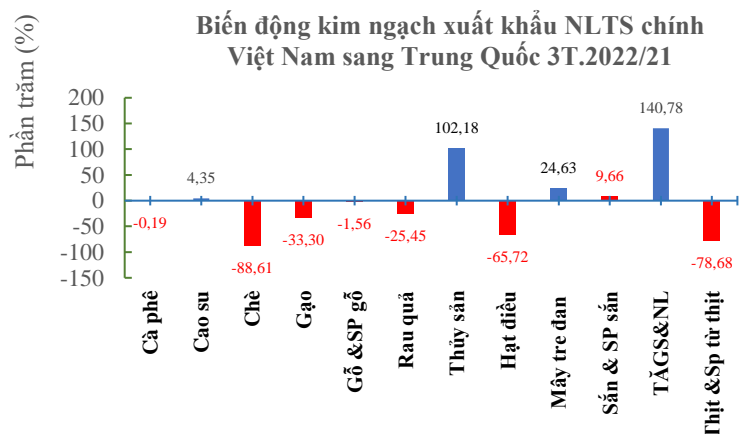


TÌNH HÌNH CHUNG



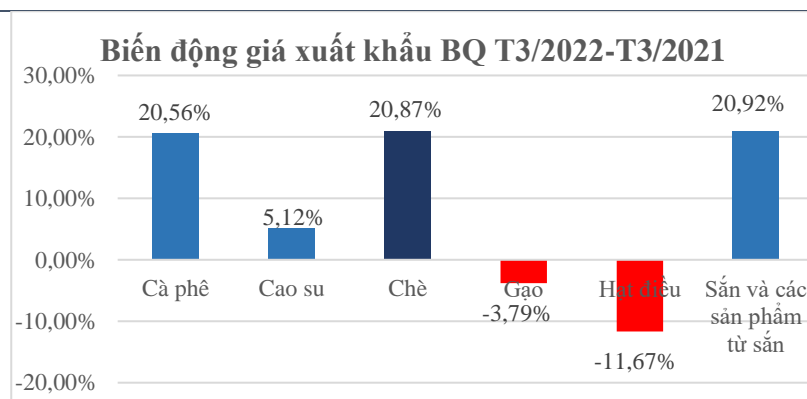
So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - Trung Quốc (3T. 2022/2021)

- Xuất khẩu ▼ 00,05%
- Nhập khẩu ▲ 12,89%



So sánh 3T.2022/3T.2021

- Cà phê ▼ 00,19%
- Cao su ▲ 04,35%
- Chè ▼ 88,61%
- Gạo ▼ 33,30%
- Gỗ và SP Gỗ ▼ 01,56%
- Rau quả ▼ 25,45%
- Thủy sản ▲ 102,18%
- Hạt điều ▼ 65,72%
- Mây tre đan ▲ 24,63%
- Sắn và SP Sắn ▼ 09,66%
- TĂGS và NL ▲ 140,78%
- Thịt & SP thịt ▼ 78,68%



So sánh giá xuất khẩu tháng 3.2022/2021

- Cà phê ▲ 20,56%
- Cao su ▲ 05,12%
- Chè ▲ 20,87%
- Gạo ▼ 03,79%
- Hạt điều ▼ 11,67%
- Sắn & SP sắn ▲ 20,92%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) chính của Việt Nam sang Trung Quốc trong 3 tháng đầu năm 2022 đạt 2,28 tỷ USD, giảm 0,05% so với cùng kỳ năm 2021; kim ngạch nhập khẩu NLTS từ Trung Quốc đạt 7867,3 triệu USD, tăng 12,89%. Tính riêng tháng 3/2022, kim ngạch xuất khẩu NLTS chính đạt 978,49 triệu USD, tăng 76,8% so với tháng trước và tăng 12,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 3 là rau quả (chiếm 20,2%), thủy sản (chiếm 18,7%), sắn và các sản phẩm từ sắn (chiếm 18,4%), gỗ và sản phẩm gỗ (chiếm 15,8%), cao su (chiếm 12,5%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (chiếm 5,8%), gạo (chiếm 5,1%). So với tháng 2/2022, xuất khẩu hầu hết các mặt hàng NLTS chính đều tăng, trong đó các mặt hàng tăng cao nhất là: gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 136,2%), gạo (tăng 129,2%), thủy sản (tăng 121,6%), sản phẩm mây, tre, cói và thảm (tăng 104,7%), hạt điều (tăng 96,3%), sắn và các sản phẩm từ sắn (tăng 88,6%), cà phê (tăng 80,1%), rau quả (tăng 73,3%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng 48,8%), chè (tăng 37,5%), cao su (tăng 4,3%); chỉ có thịt và sản phẩm từ thịt giảm 94,4%. So với cùng kỳ, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng là: thủy sản (tăng 99,5%), sắn và sản phẩm từ sắn (tăng 65,7%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (tăng 59,3%), gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 11,8%), cà phê (tăng 6,4%); mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là thịt và sản phẩm từ thịt (giảm 97,0%), chè sắn (giảm 85,6%), hạt điều (giảm 58,0%), rau quả (giảm 23,8%), gạo (giảm 5,3%), sản phẩm mây, tre, cói và thảm (giảm 4,8%). (Chi tiết tại phụ lục đính kèm).

Theo Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tính đến 20h00 ngày 07.05.2022, tổng số phương tiện chờ hàng hóa xuất khẩu còn tồn trên địa bàn tỉnh là 846 xe, trong đó xe chờ hoa quả là 577 xe. Cụ thể, (i) tại cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị, còn tồn 365 xe (176 xe tại khu trung chuyển và 189 xe tại cửa khẩu Hữu Nghị), trong đó có 293 xe hoa quả, tất cả đều được chờ bằng container lạnh; (ii) tại cửa khẩu phụ Tân Thanh còn tồn 481 xe (tại bãi Bảo Nguyên 209 xe, khu phi thuế quan 272 xe), trong đó có 284 xe hoa quả chờ bằng xe lạnh; (iii) tại cửa khẩu chính Chi Ma không còn phương tiện tồn.

Theo Cục Thống kê nhà nước Trung Quốc công bố, GDP của Trung Quốc quý I/2022 đạt 27.017,8 tỷ nhân dân tệ (tương đương khoảng 4.239,2 tỷ USD), lần lượt tăng trưởng 4,8% so cùng kỳ và 1,3% so quý IV/2021. Tính theo cơ cấu ngành nghề, quý I năm nay, giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp Trung Quốc đạt 1.095,4 tỷ nhân dân tệ, tăng trưởng 6%; ngành công nghiệp đạt 10.618,7 tỷ nhân dân tệ, tăng trưởng 5,8%; ngành dịch vụ đạt 15.303,7 tỷ nhân dân tệ, tăng trưởng 4% so cùng kỳ

năm ngoái. Trong quý I, thị trường tiêu dùng Trung Quốc duy trì đà tăng trưởng, trong đó ngành bán lẻ trực tuyến khá sôi động. Tổng giá trị bán lẻ các mặt hàng tiêu dùng đạt 10.865,9 tỷ nhân dân tệ, tăng trưởng 3,3% so cùng kỳ năm ngoái; trong đó, bán lẻ hàng hóa trực tuyến đạt giá trị 2.525,7 tỷ nhân dân tệ, tăng trưởng 8,8%, chiếm tỷ trọng 23,2% tổng giá trị bán lẻ. Trong quý I/2022, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Trung Quốc tăng 1,1%; tạo thêm 2,85 triệu việc làm mới cho người dân ở thành thị, tỷ lệ thất nghiệp theo điều tra đạt 5,5%; thu nhập bình quân đầu người đạt 10.345 nhân dân tệ, tăng 6,3% so cùng kỳ năm ngoái, tăng thực tế 5,1% sau khi loại trừ các yếu tố về giá.

Ngân hàng Thế giới (WB) đã hạ mức dự báo tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc xuống 5% trong năm nay, giảm so với ước tính trước đó là 5,4%.

Ngày 15/5, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc đã thông báo về việc cắt giảm tỉ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng thương mại, tuy nhiên, mức cắt giảm được cho là nhỏ hơn dự kiến và không nâng cao được tâm lý thị trường.

Bloomberg dẫn số liệu của Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc công bố hôm 29/4, cho thấy chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) lĩnh vực sản xuất tháng 4 đã giảm xuống 47,4 điểm từ mức 49,5 của tháng 3. chỉ số PMI phi sản xuất (ghi nhận trong lĩnh vực xây dựng, dịch vụ) cũng chạm mức thấp nhất từ tháng 2/2020, khi giảm xuống 41,9 điểm (tháng 3 là 48,4).

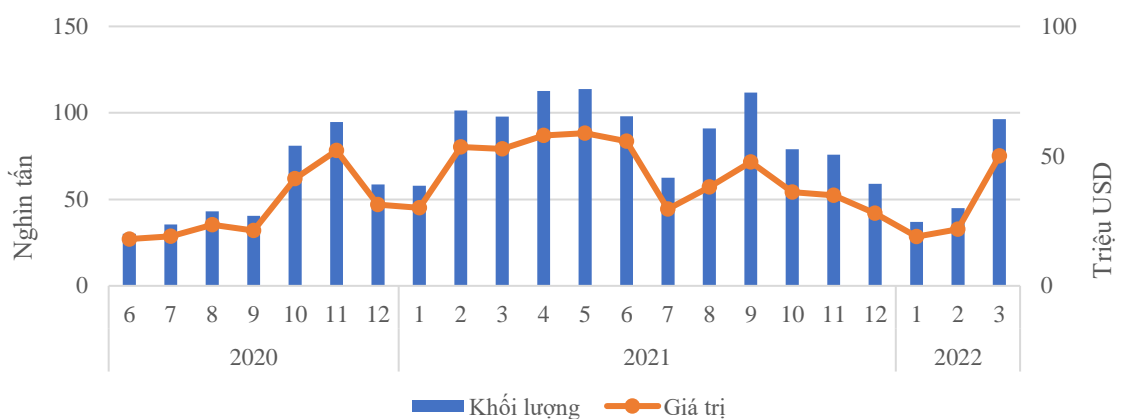
Các cảng biển tại Trung Quốc vẫn đang trong giai đoạn siết chặt kiểm soát dịch, hoạt động hạn chế gây ra ùn tắc tàu tại cảng, dẫn đến lượng container đang kẹt ở đây rất lớn. Các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản được khuyến cáo lưu ý kiểm soát tốt khâu chế biến. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam, hiện chi phí vận tải đến thị trường Trung Quốc đã tăng gấp đôi so với cuối năm 2021, nhưng việc đặt tàu rất chật vật. Nguyên nhân là các cảng biển tại Trung Quốc vẫn đang trong giai đoạn siết chặt kiểm soát dịch, hoạt động hạn chế gây ra ùn tắc tàu tại cảng, dẫn đến lượng container đang kẹt ở đây rất lớn. Việc quay vòng container rộng bị nghẽn, tức có hàng xuất đi nhưng không có hàng hóa nhập về, chủ tàu phải chờ nên việc đặt chỗ ngắn hạn vẫn gặp nhiều khó khăn.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 3/2022, Việt Nam xuất khẩu được 96,3 nghìn tấn gạo, trị giá 50,0 triệu USD sang Trung Quốc tăng 114,6% về khối lượng và 129,2% về giá trị so với tháng trước, và giảm 1,5% về khối lượng và 5,3% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 3 tháng đầu năm 2022 đạt 178,2 nghìn tấn, trị giá 90,8 triệu USD, giảm 30,5% về khối lượng và 33,3% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

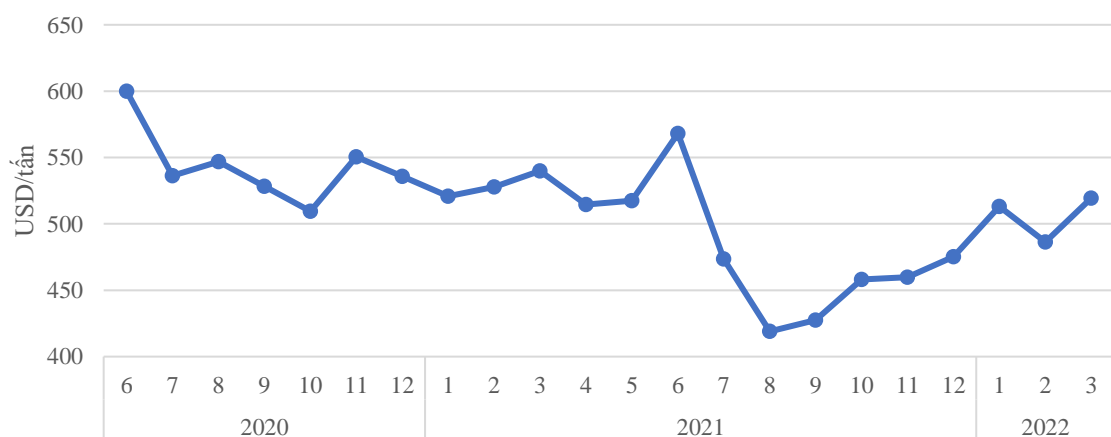
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 3/2022 đạt 519,4 USD/tấn, tăng 6,8% so với tháng trước, và 3,8% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

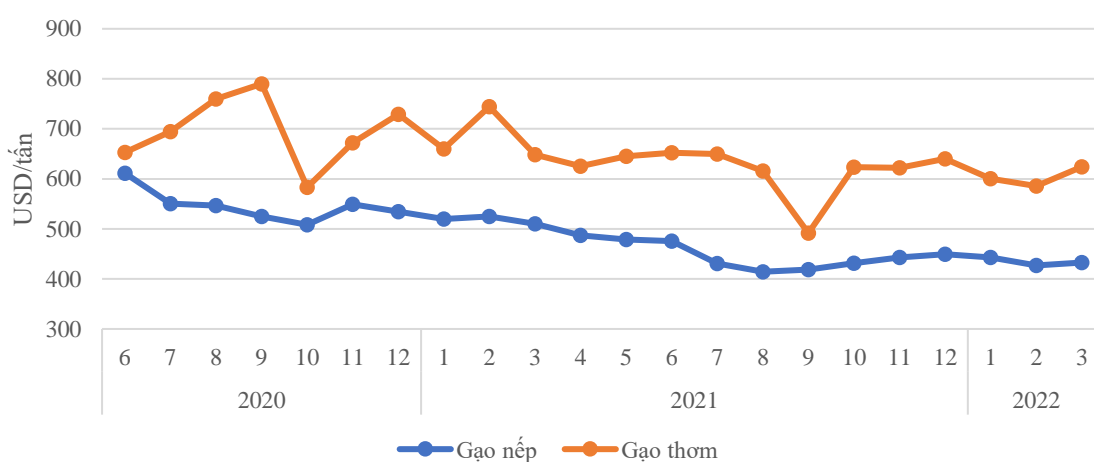


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 3/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang Trung Quốc với kim ngạch 46,5 nghìn tấn và 28,9 triệu USD (chiếm 48,2% về khối lượng và 57,8% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm đã tăng lên 134,5% về khối lượng và 128,3% về giá trị. Tiếp đến là gạo nếp với 38,7 nghìn tấn với trị giá 16,7 triệu USD (chiếm 40,1% về khối lượng và 33,4% về giá trị), giảm 48,8% về khối lượng và 56,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

Giá xuất khẩu gạo thơm là 624,0 USD/tấn, tăng 6,5% so với tháng trước nhưng giảm 3,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá xuất khẩu gạo nếp đạt 432,9 USD/tấn, tăng 1,4% so với tháng trước nhưng giảm 15,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo nếp và gạo thơm sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

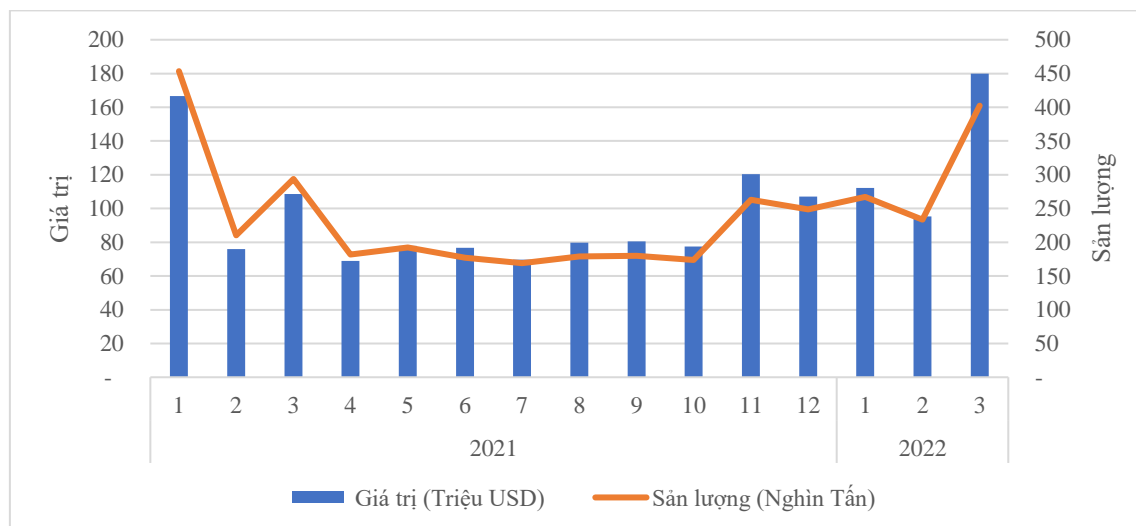
2. SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ nông nghiệp ngành sản Trung Quốc phân tích từ số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong 3 tháng đầu năm 2022, khối lượng nhập khẩu tinh bột sản của Trung Quốc đạt 1,16 triệu tấn, trị giá 607 triệu USD, lần lượt tăng 26,77% và 43,81% so với cùng kỳ năm ngoái. Nguồn nhập khẩu chủ yếu là Thái Lan và Việt Nam, khối lượng tinh bột sản nhập khẩu từ Thái Lan và Việt Nam lần lượt chiếm 61,47% và 30,67% tổng lượng tinh bột sản nhập khẩu của Trung Quốc.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 3/2022, Việt Nam xuất khẩu được 402,4 nghìn tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 179,8 triệu USD sang thị trường Trung Quốc, tăng 72,2% về khối lượng và tăng 88,6% về giá trị so với tháng 2/2022; tăng 37,1% về khối lượng và tăng 65,7% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Lũy kế 3 tháng đầu năm 2022, khối lượng xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang thị trường này đạt 886,0

nghìn tấn, trị giá 382,3 triệu USD, giảm 6,7% về khối lượng và tăng 9,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

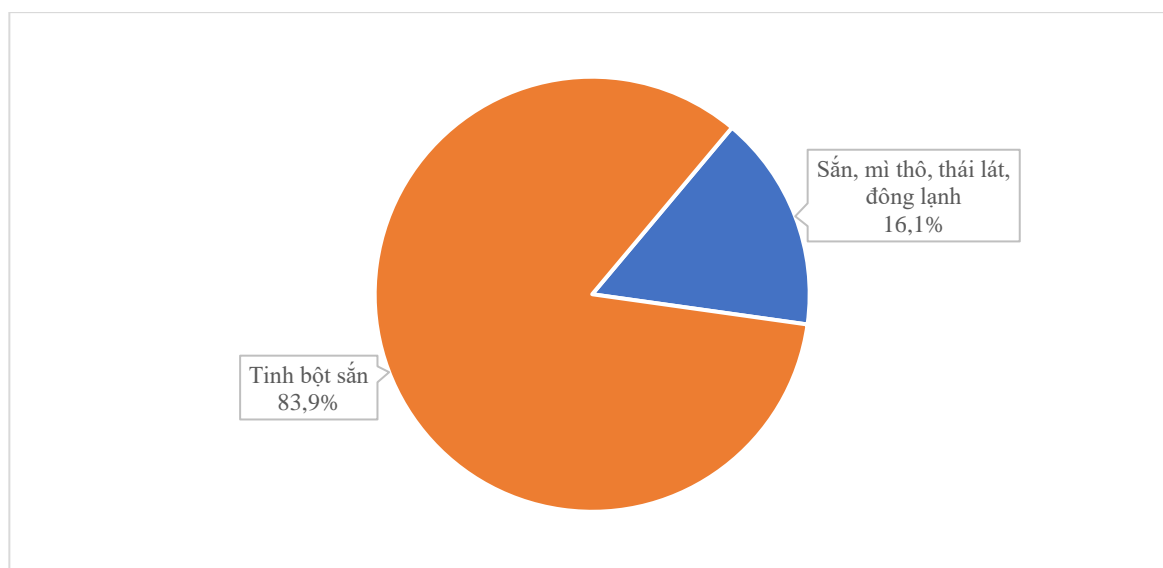
Hình 4: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Trung Quốc chiếm 90,0% về khối lượng và 90,5% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 3 năm 2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu tinh bột sắn đạt 150,8 triệu USD, chiếm 83,9% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, tăng 107,4% so với cùng kỳ năm 2021; sắn lát, đông lạnh đạt 28,97 triệu USD (chiếm 16,1%), giảm 19,0%.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

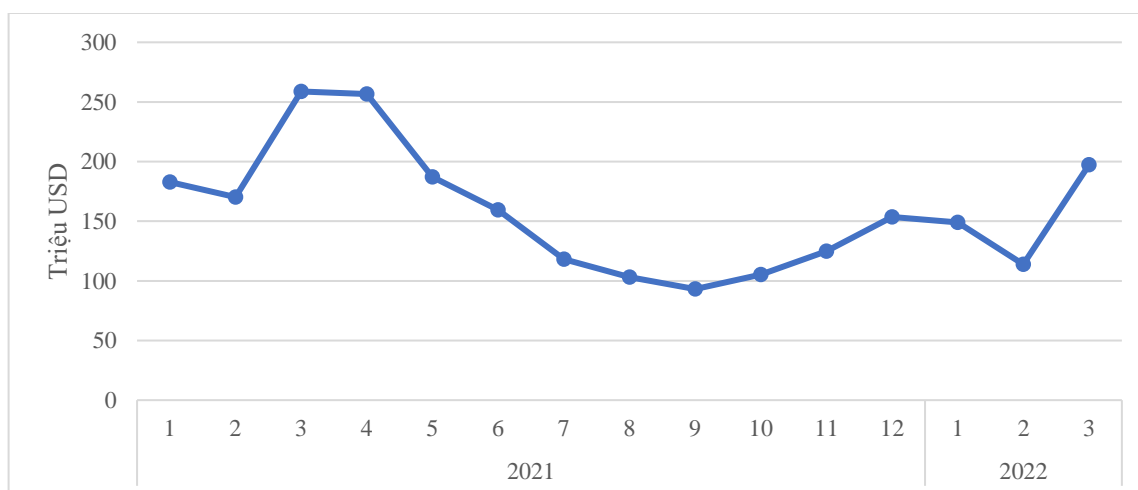
3. RAU QUẢ

Theo Số liệu từ Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC), Trung Quốc lập kỷ lục mới về xuất nhập khẩu trái cây trong năm 2021. Tổng lượng xuất nhập khẩu trái cây đạt 11,22 triệu tấn với giá trị 22,23 tỷ USD, tăng 5,05% về khối lượng và tăng 16,02% về giá trị so với năm 2020. Lượng trái cây xuất khẩu đạt 3,75 triệu tấn và giá trị xuất khẩu đạt 6,33 tỷ USD. Lượng trái cây nhập khẩu đạt 7,46 triệu tấn với giá trị 15,89 tỷ USD, tăng 800 nghìn tấn trái cây và 3,8 tỷ USD, tương ứng 12,03% và 31,42%.

Khối lượng táo tươi xuất khẩu của Trung Quốc trong Quý 1/2022 đạt 206.300 tấn, trị giá 258 triệu USD, giảm 14,33% về khối lượng và giảm 24,27% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Khối lượng táo tươi nhập khẩu trong Quý 1/2022 đạt 6.676 tấn, trị giá 17,1 triệu USD, tăng 7,65% về khối lượng và tăng 32,57% về giá trị so với cùng kỳ 2021

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc tháng 3 năm 2022 đạt 197,3 triệu USD, chiếm 57,3% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 73,3 so với tháng trước và giảm 23,3% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc đạt 455,4 triệu USD (chiếm 53,6% thị phần), giảm 25,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 6: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc



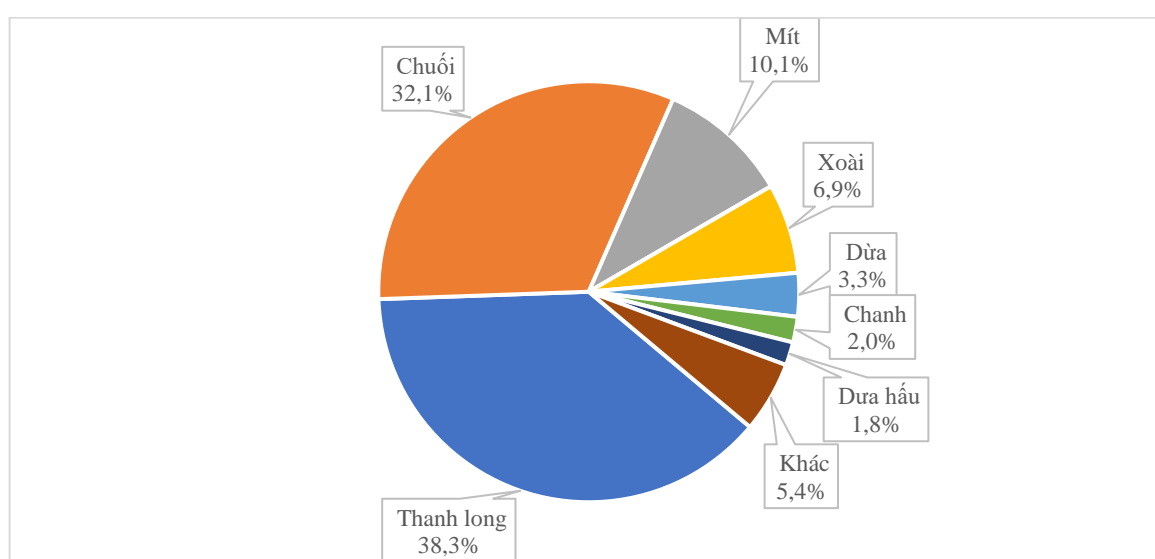
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 3 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 184,4 triệu USD (chiếm 93,5% thị phần, giảm 25,3% so với cùng kỳ năm 2021) và rau quả chế biến đạt 12,9 triệu USD (chiếm 6,5%), tăng 9,1%. So sánh với cùng kỳ năm 2021, nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 5,9 triệu USD, tăng 128,5%; trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo

(2008) đạt 5,1 triệu USD, giảm 27,5%; mít rau, quả (mã HS.2006) đạt 1,5 triệu USD, giảm 19,1%; v.v.

Trong tháng 3 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất bao gồm: thanh long đạt 75,6 triệu USD (chiếm 50,8% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này), giảm 24,8% so với cùng kỳ năm 2021; chuối đạt 63,4 triệu USD (chiếm 42,6%), tăng 49,1%; mít đạt 19,9 triệu USD (chiếm 13,4%), tăng 18,6%; xoài đạt 16,6 triệu USD (chiếm 9,2%), giảm 76,3%; dứa đạt 6,6 triệu USD (chiếm 4,4%), tăng 11,1%; chanh đạt 3,9 triệu USD (chiếm 2,6%), tăng 82,6,3%; v.v.

Hình 7: Cơ cấu các loại rau quả chính xuất khẩu sang Trung Quốc tháng 3/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

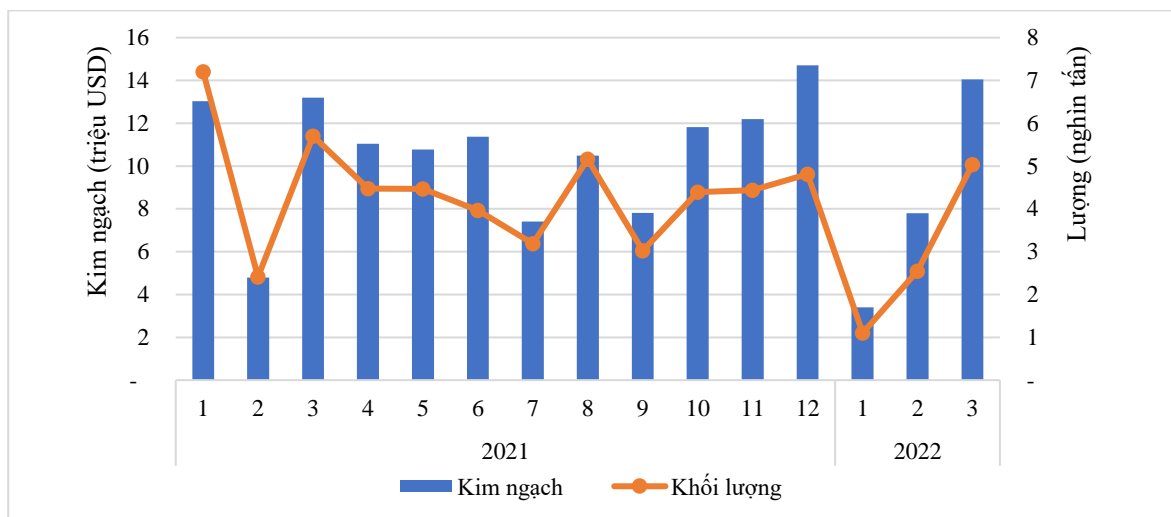
Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Trung Quốc tháng 3 năm 2022 đạt 44,1 triệu USD, chiếm 30,6% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 47,0% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 140,3 triệu USD, chiếm 34,9% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 30,1% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 3/2022, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: quýt đạt 13,2 triệu USD (chiếm 29,9% tổng giá trị nhập khẩu), tăng 272,5% so với cùng kỳ năm trước; tỏi đạt 11,3 triệu USD (chiếm 25,7%), tăng 23,5%; nấm các loại đạt 7,3 triệu USD (chiếm 16,5%), tăng 50,1%; táo đạt 3,5 triệu USD (chiếm 8,0%), tăng 94,5%; lê đạt 1,9 triệu USD (chiếm 4,20%), tăng 41,7%; v.v.

4. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 03/2022 ước đạt 5,0 nghìn tấn với trị giá 14,0 triệu USD, tăng 97,6% về lượng và 80,1% về giá trị so

với tháng trước, và giảm 11,7% về lượng nhưng tăng 6,4% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

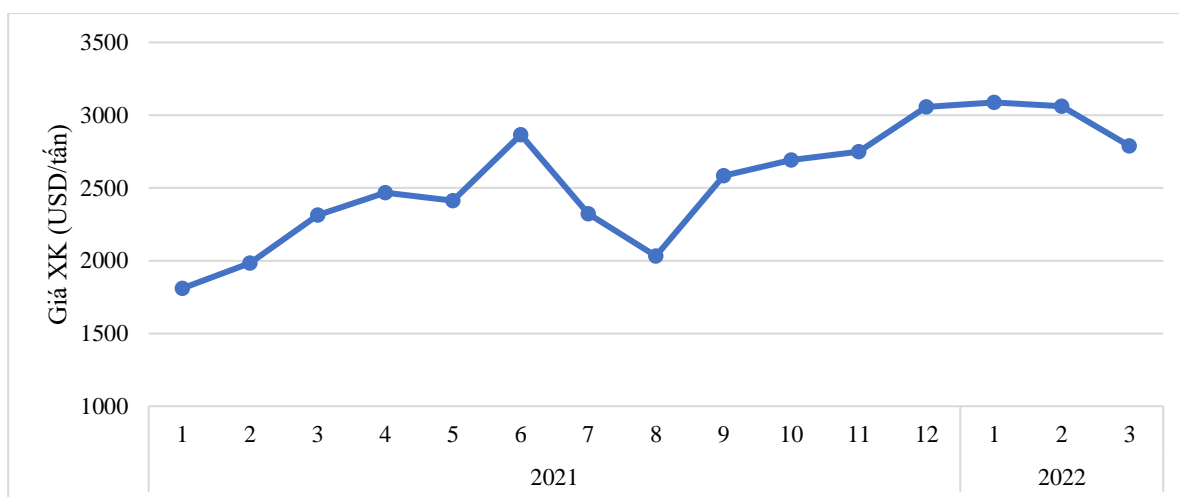
Hình 8: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 03/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc đạt 2.789 USD/tấn, giảm 8,9% so với tháng trước và tăng 20,6% so với cùng kỳ năm trước.

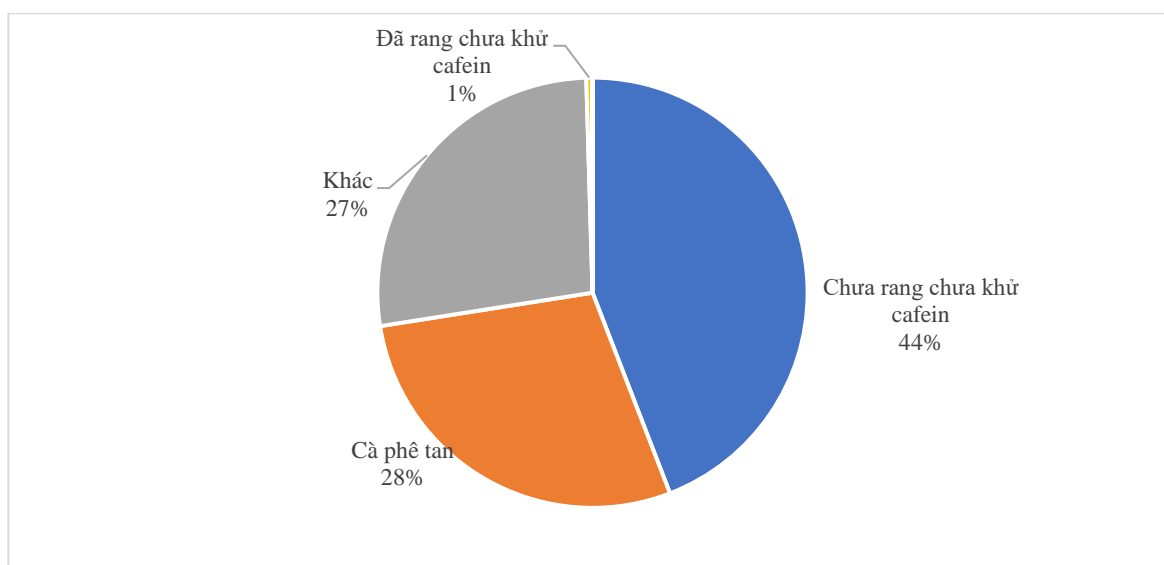
Hình 9: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 03/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 6,2 triệu USD, chiếm 44,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 4,0 triệu USD, chiếm 28,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử cafein chiếm 0,4% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 10: Chứng loại cà phê xuất khẩu sang Trung Quốc theo kim ngạch tháng 03/2022

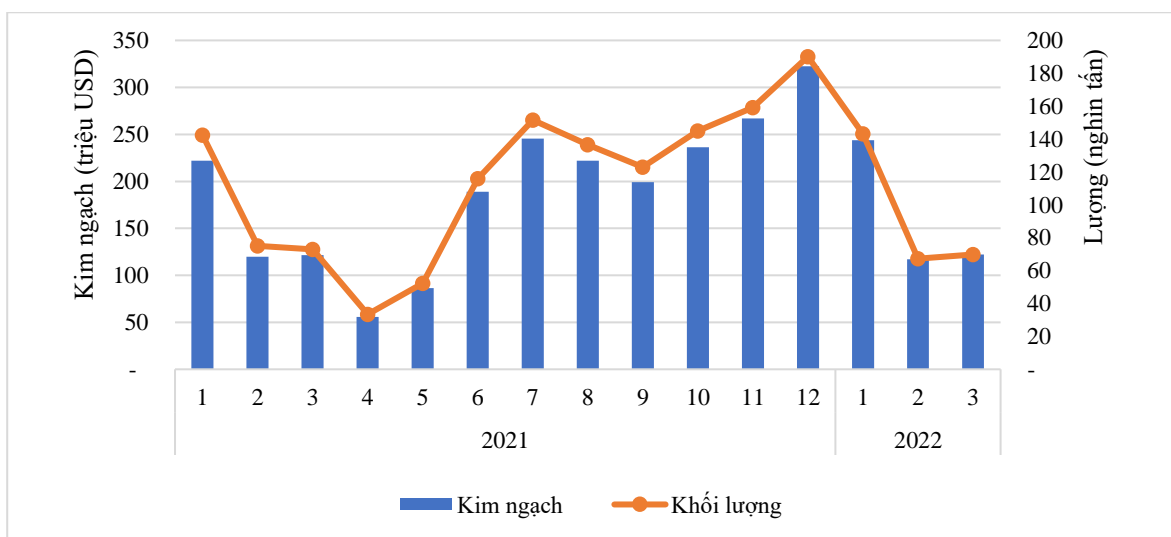


Nguồn: Tổng cục Hải quan

5. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 03/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc ước đạt 69,8 nghìn tấn với trị giá 122,2 triệu USD, tăng 3,9% về khối lượng và 4,3% về giá trị so tháng trước, và giảm 4,3% về khối lượng và tăng 0,6% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

Hình 11: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc

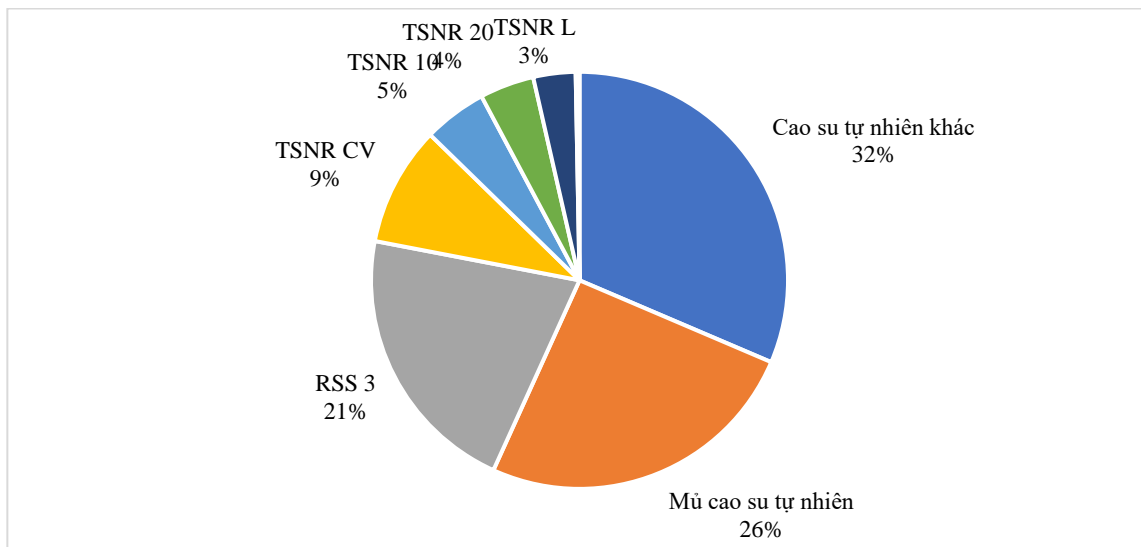


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 03/2022, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 3,4 triệu USD,

chiếm 25,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là RSS 3 với kim ngạch 2,9 triệu USD, chiếm 21,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR CV và TSNR 10 chiếm lần lượt 9,3% và 4,9% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

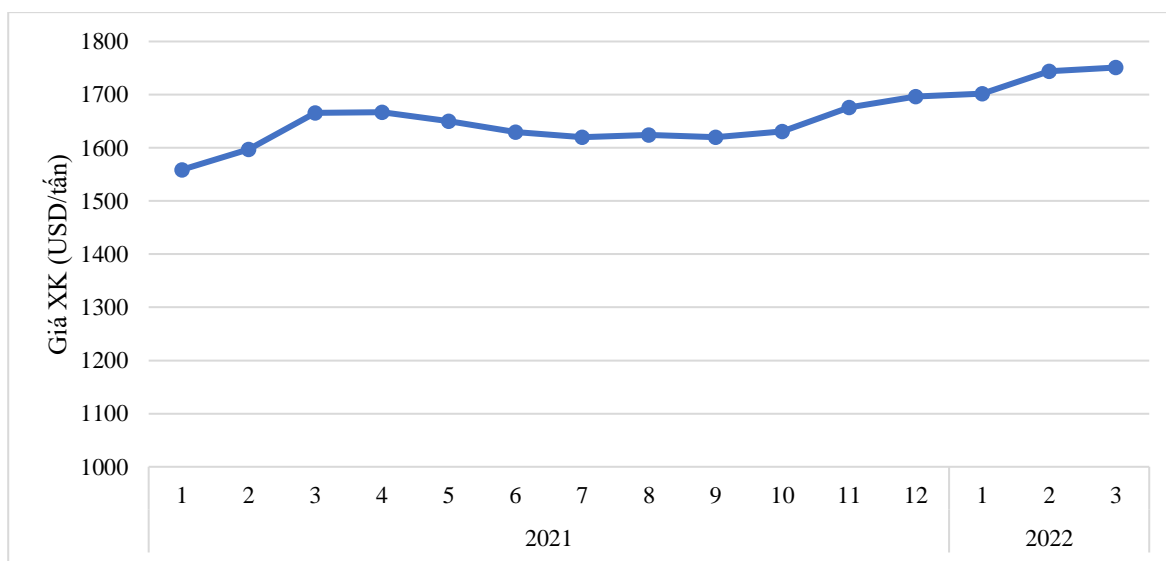
Hình 12: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 03/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 03/2022 đạt mức 1.751 USD/tấn, tăng nhẹ 0,4% so với tháng trước và tăng 5,1% so với cùng kỳ 2021.

Hình 13: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc

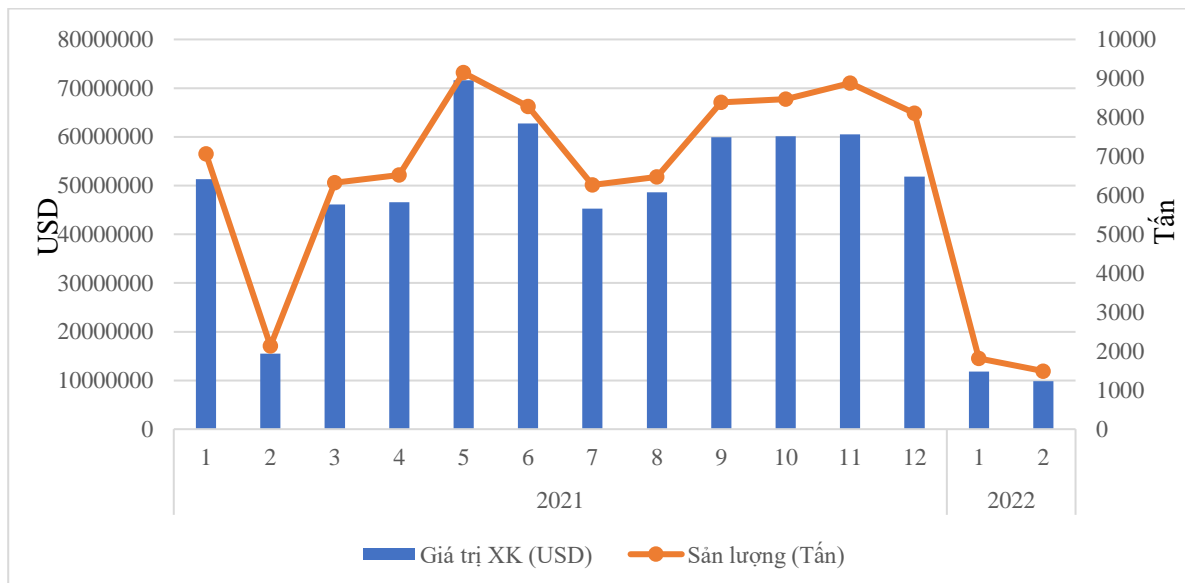


Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 3/2022, Việt Nam xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc đạt 3 nghìn tấn, trị giá 9,8 triệu USD, tăng 101% về khối lượng và 96,3% về giá trị so với tháng trước. Nhưng so với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc lại giảm khoảng 52,5% về khối lượng và 58% về giá trị.

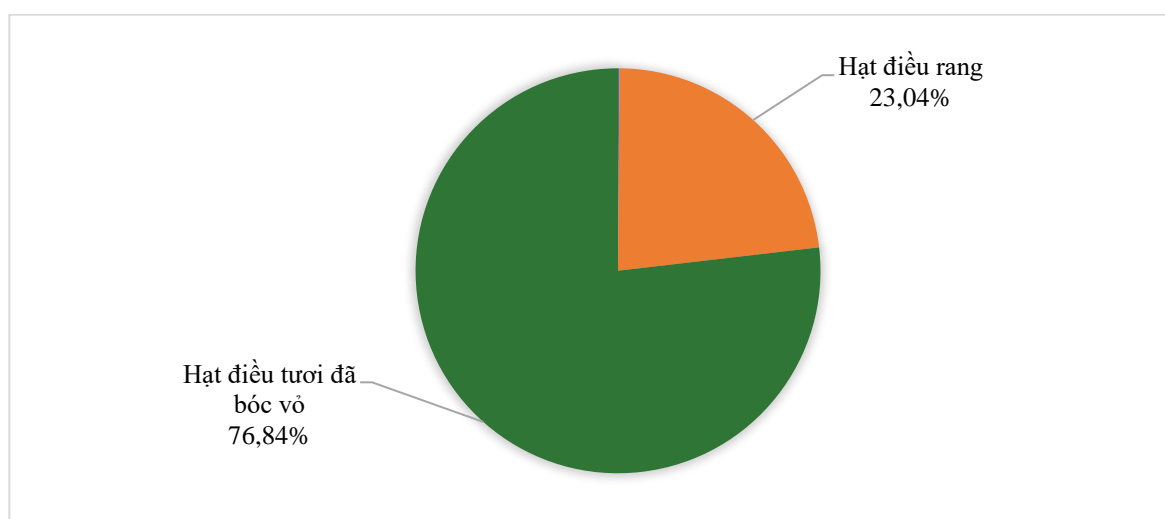
Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều tươi đã bóc vỏ vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong các sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường này, chiếm 76,84%; hạt điều rang chiếm 23,04%.

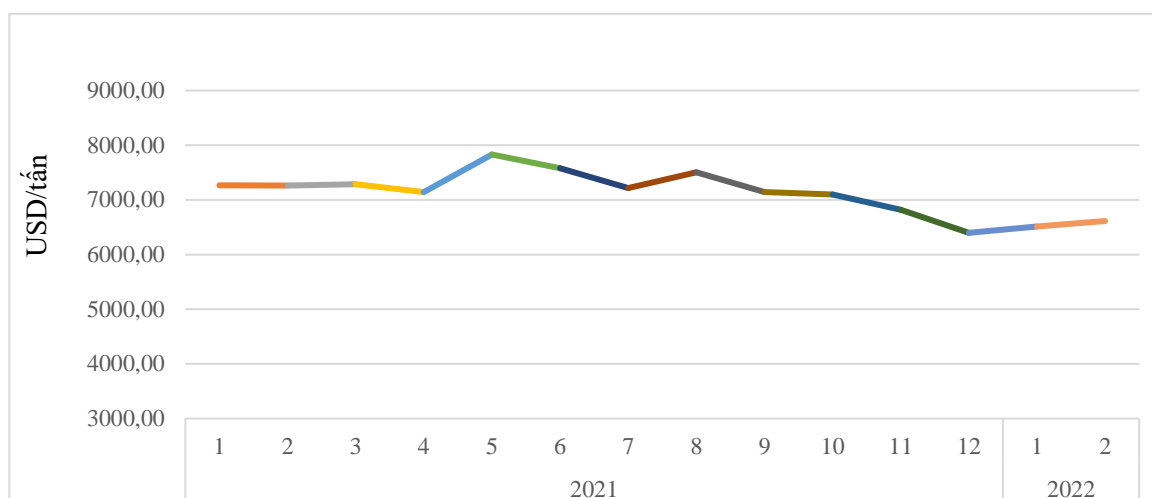
Hình 15: Cơ cấu giá trị hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 3/2022 có dấu hiệu hồi phục. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân sang thị trường này đạt 6.436 USD/tấn, giảm 2,7% so với tháng trước và 11,7% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 16. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá một số loại hạt điều cụ thể xuất khẩu sang thị trường này như sau: Hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 5,5 USD/kg giảm 5,5% so với cùng kỳ năm trước; điều rang đạt 7,6 USD/Kg, giảm 20,5% so với cùng kỳ năm trước.

7. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

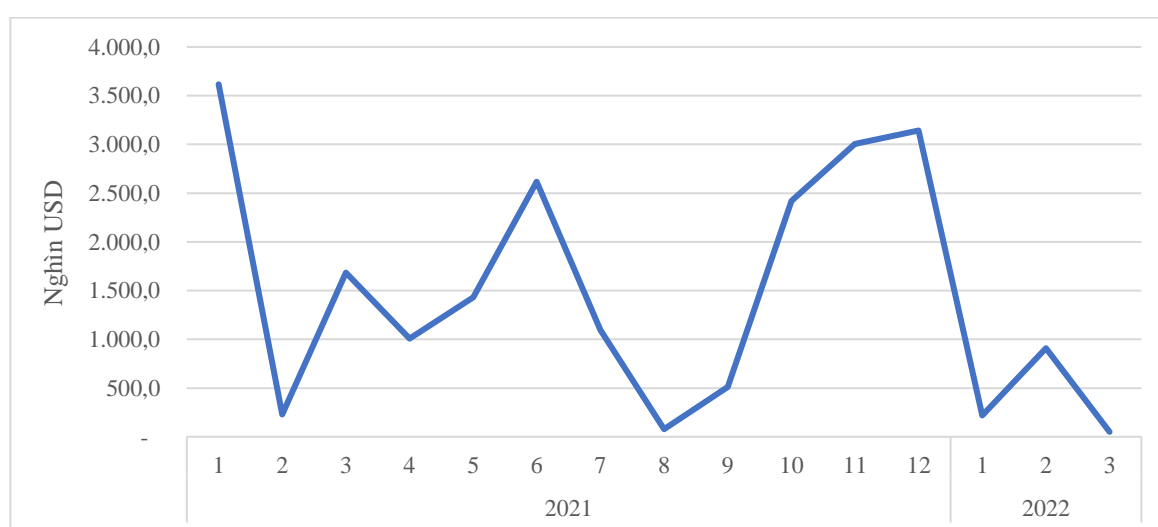
Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 2 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc nhập khẩu 1,07 triệu tấn thịt (bao gồm cả nội tạng), trị giá 4,05 tỷ USD, giảm 33% về lượng và giảm 20,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Bra-xin, Hoa Kỳ, Niu Di-Lân, Ác-hen-ti-na và Úc là các thị trường cung cấp thịt các loại chủ yếu cho Trung Quốc. Trong đó, nhập khẩu thịt trâu, bò sống của Trung Quốc đạt 310 nghìn tấn, trị giá 1,95 tỷ USD, giảm 3,4% về lượng, nhưng tăng 33,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Nhập khẩu thịt gia cầm của Trung Quốc đạt 100,87 nghìn tấn, trị giá 226,5 triệu USD, giảm 17,1% về lượng, nhưng tăng 3,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong 2 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc đạt 280 nghìn tấn, trị giá 573,9 triệu USD, giảm 60,4% về lượng và giảm 71,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Tây Ban Nha, Bra-xin, Đan Mạch, Hoa Kỳ và Hà Lan... là các thị trường cung cấp thịt lớn chủ yếu cho Trung Quốc.

Năm 2022, nhập khẩu thịt heo của Trung Quốc được dự báo sẽ giảm gần 20% và đẩy thương mại toàn cầu xuống mức thấp hơn, khiến nhu cầu phục hồi hậu COVID-19 từ các nhà nhập khẩu khác không đủ để bù đắp sự sụt giảm đó. Và do tăng trưởng ở các thị trường khác sẽ không bù đắp được sự sụt giảm ở Trung Quốc, nên hầu hết

các nhà xuất khẩu thịt heo lớn sẽ có ghi nhận năm thứ hai liên tiếp xuất khẩu suy yếu. Trong khi đó, theo nguồn tin của genesus, nhiều trang trại chăn nuôi heo của Trung Quốc đang bị bỏ trống vì nhiều hộ bỏ nghề. Điều này sẽ làm giảm lượng heo giết mổ và theo đó giá heo sẽ dần phục hồi trong quý II năm nay và cải thiện hơn nữa vào nửa cuối năm 2022.

Trong tháng 3/2022, xuất khẩu thịt và sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc giảm mạnh, đạt giá trị 51 nghìn USD, giảm 94,4% so với tháng 2/2022 và giảm 97% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 17: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường này giảm do nhu cầu nhập khẩu của nước này giảm. Theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), năm 2022, Trung Quốc sẽ giảm nhập khẩu thịt lợn, trong khi tăng nhập khẩu thịt bò. Theo đó, nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc năm 2022 dự tính sẽ giảm xuống còn 3,3 triệu tấn do sản lượng trong nước tăng và thuế nhập khẩu thịt lợn tăng từ 8% lên 12%. Năm 2022, sản lượng thịt lợn của Trung Quốc dự báo đạt 50 triệu tấn, tăng 5% so với năm 2021. Dự báo lượng lợn hơi của Trung Quốc năm 2022 đạt khoảng 665 triệu con, tăng 2% so với năm 2021.

Trong khi đó, về nhập khẩu, tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm thịt từ thị trường Trung Quốc của Việt Nam trong tháng 3/2022 vẫn tiếp tục giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước và đạt 2,6 nghìn USD, giảm 99,6% cùng kỳ năm 2021 và giảm tới 98,2% so với tháng trước. Sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc là mềo nuôi gia đình.

8. THỦY SẢN

Theo thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 2 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu tôm nước ấm đông lạnh của Trung Quốc tăng 26% về lượng và tăng 51% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, đạt 114 nghìn tấn, trị giá 739 triệu USD. Trong tháng 2/2022, giá nhập khẩu tôm của Trung Quốc trung bình đạt 6,30 USD/kg, tăng 21% so với tháng 2/2021.

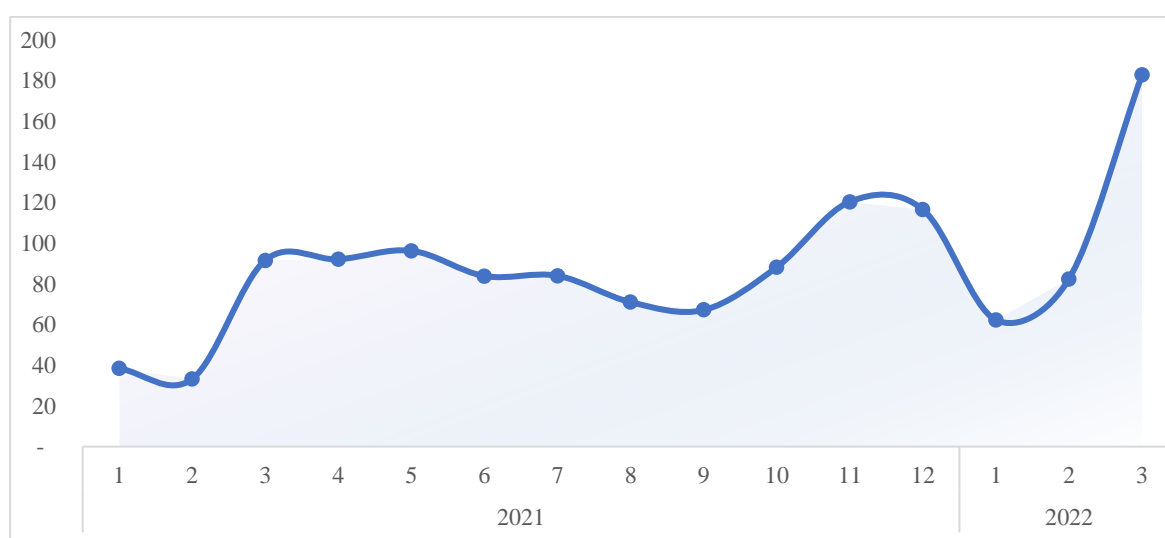
Trong 3 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu tôm nước ấm đông lạnh của Trung Quốc đạt 174.000 tấn, tăng 30%. Trong khi đó, giá trị nhập khẩu đạt 1,13 tỷ USD, tăng 57%. Nhập khẩu tôm nước ấm từ Ecuador (nhà cung cấp lớn nhất của Trung Quốc) đạt 125.000 tấn, tăng mạnh nhất trong quý, tăng 36% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong quý I, nhập khẩu từ Ecuador chiếm 72% tổng lượng nhập khẩu tôm nước ấm đông lạnh của Trung Quốc.

Trong quý I/2022, giá trung bình tôm nhập khẩu của Trung Quốc tăng 21% lên 6,47 USD/kg. Trong tháng 3/2022, giá trung bình đạt 6,44 USD/kg, tăng 23% so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 3/2022 đạt 182,9 triệu USD, tăng 99,5% so với cùng kỳ năm trước, và tăng 121,6% so với tháng 2/2022, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 3 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 327,74 triệu USD, tăng 100,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 18. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc

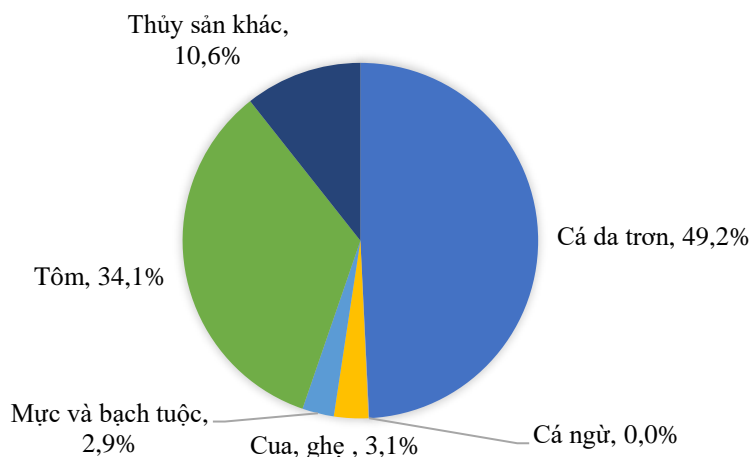
ĐVT: Triệu USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 3/2022, tôm và cá da trơn vẫn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính trong tháng này: tôm chiếm 34,1%; cá da trơn chiếm 49,2%. Một số chuyên gia nghiên cứu thị trường Trung Quốc cho rằng nhu cầu thủy sản của Trung Quốc đang tăng mạnh để phục vụ tái xuất khẩu, trong khi nguồn cung của nước này đang ở mức thấp.

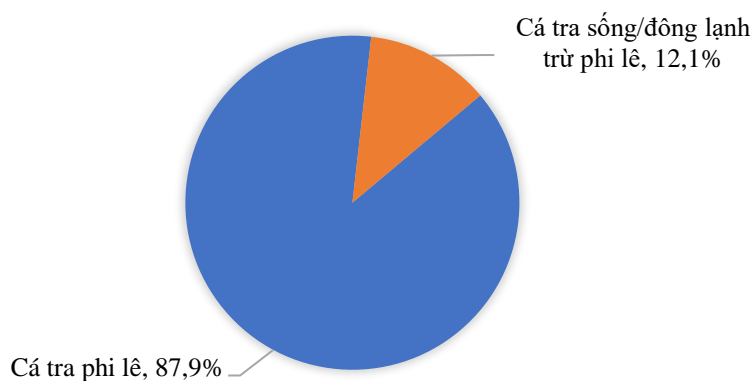
Hình 19. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu tháng 3/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này tăng mạnh (133,1% so với cùng kỳ năm trước và tăng 104% so với tháng 2/2022). Giá trị xuất khẩu cá da trơn trong tháng này đạt 90 triệu USD, chiếm 49,2% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường này. Trong đó, cá tra phi lê chiếm tới 87,9%, đạt 79,1 triệu USD, tăng 155% so với cùng kỳ năm trước và tăng 122,3% so với tháng trước; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê chiếm 12,1%, đạt 10,9 triệu USD, tăng 44,3% so với năm 2021 và 27,5% so với tháng 2/2022.

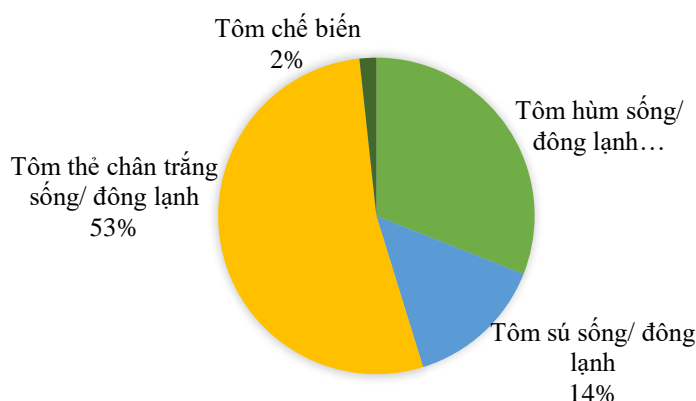
Hình 20. Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc tháng 3/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Tháng 3/2022, giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường này tiếp tục đà tăng trưởng từ tháng trước đạt 62,3 triệu USD, tăng 277,6% so với tháng trước và 192% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 32,7 triệu USD, chiếm 52,5% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, tăng 185,6% so với cùng kỳ năm trước; tôm hùm sống/đông lạnh đạt 19,1 triệu USD, chiếm 30,7%, tăng 3,3 lần; tôm sú sống/đông lạnh đạt 8,8 triệu USD, chiếm 14,1%, tăng 31,7%; tôm chế biến đạt 1,1 triệu USD, chiếm 1,7% và giảm 62,9%.

Hình 21. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Trung Quốc tháng 3/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Một số loại thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường này tháng 3/2022 như sau: mực và bạch tuộc đạt 5,3 triệu USD, chiếm 2,9% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc và tăng 206% so với cùng kỳ năm trước; cua – ghẹ đạt 5,7 triệu USD, chiếm 3,1%, tăng 14,5%; thủy sản khác đạt 19,5 triệu USD, chiếm 10,6%, giảm 18,7%.

Về giá bình quân xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang thị trường này tháng 3/2022 như sau: cá da trơn đạt 2,5 USD/kg, tăng 45,3% so với cùng kỳ năm trước và 6,1% so với tháng 2/2022. Tôm đạt 9,5 USD/kg, tăng 25,2% so với cùng kỳ năm 2021 và giảm 12,4% so với tháng trước. Cụ thể:

Bảng 1. Giá xuất khẩu trung bình một số sản phẩm thủy sản tháng 3/2022

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,5	43,5%	6,1%
2	Cua, ghẹ	2,2	8,0%	-0,3%
3	Mực và bạch tuộc	8,9	29,5%	-2,2%
4	Tôm	2,3	-17,3%	-15,7%

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

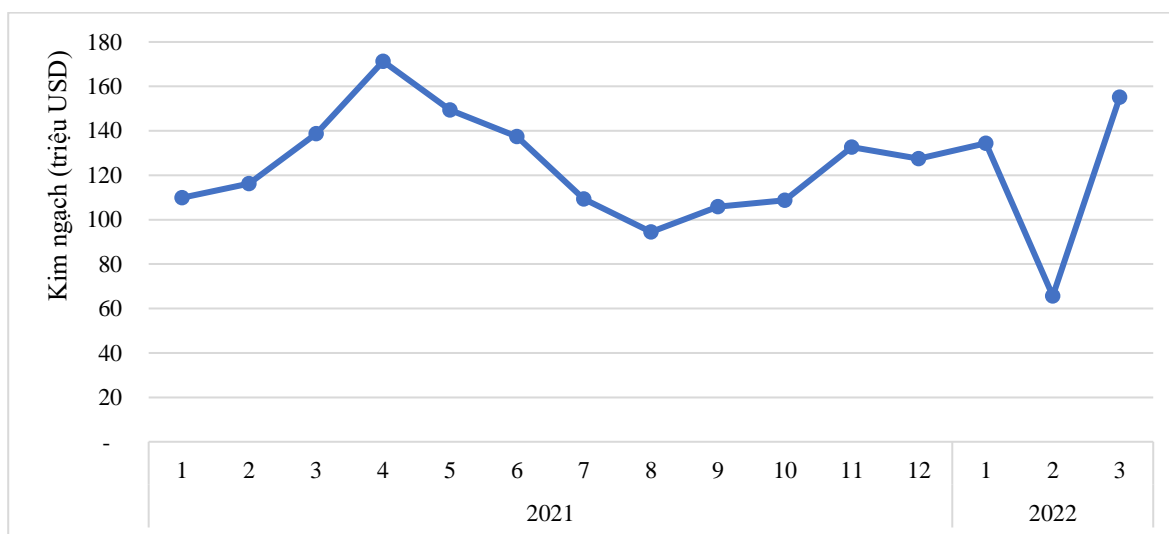
9. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong tháng 02/2022 xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 1,26 tỷ USD, giảm 17,1% so với tháng 02/2021. Trong 2 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc đạt 3,6 tỷ USD, giảm 4,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Trung Quốc xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ tới một số thị trường chính trong 2 tháng đầu năm 2022 như: Hoa Kỳ đạt 1,15 tỷ USD, giảm 7% so với cùng kỳ năm 2021; tiếp theo là thị trường Úc đạt 267,1 triệu USD, tăng 12,2%; Nhật Bản đạt 239,8 triệu USD, tăng 3,7%; Anh đạt 227,9 triệu USD, giảm 7,2%; Hàn Quốc đạt 208,3 triệu USD, tăng 4,1%.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 03/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc ước đạt 155,1 triệu USD, tăng 136,2% so với tháng trước và 11,8% so với cùng kỳ năm 2021.

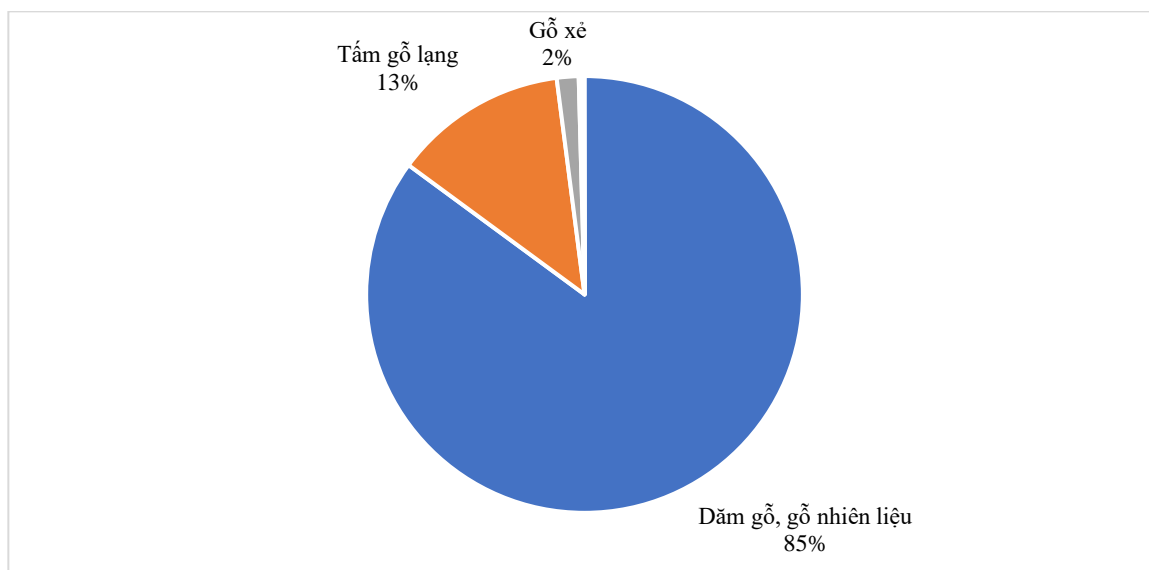
Hình 22: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 03/2022, dăm gỗ, gỗ nhiên liệu là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 132,1 triệu USD, chiếm 85,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là tấm gỗ lạng với kim ngạch 20,0 triệu USD, chiếm 12,9% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ xẻ và ván dăm, chiếm lần lượt 1,6% và 0,1% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 23: Chứng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 03/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Dự báo tích cực của USDA về số liệu nhập khẩu cà phê của Trung Quốc trong năm nay đã đem đến cho thị trường cái nhìn tích cực hơn về triển vọng tiêu thụ, đặc biệt là khi Trung Quốc được dự đoán sẽ trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng tiêu thụ toàn cầu trong vài năm nay.

2. Rau quả

Ông Nguyễn Đình Tùng, Tổng giám đốc Công ty Vina T&T Group nhận định, với sự nhạy bén, linh hoạt, cùng sự thuận lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, doanh nghiệp xuất khẩu rau quả sẽ tận dụng tốt hơn cơ hội từ các thị trường, dự báo xuất khẩu rau quả năm 2022 sẽ tăng trưởng tốt hơn năm trước.

3. Cao su

Hiệp hội Cao su Việt Nam (VRA) cho biết thông thường, Trung Quốc sẽ tiêu thụ khoảng 500.000 tấn cao su tự nhiên mỗi tháng, song nguồn cung nội địa chỉ đáp ứng 115.000 tấn. Do vậy, nhu cầu nhập khẩu cao su của Trung Quốc khá lớn.

Tuy nhiên, VRA cho rằng tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng do chính sách Zero COVID của Trung Quốc sẽ ảnh hưởng đến xuất khẩu cao su năm 2022. Trong khi, mặt hàng cao su phần lớn được xuất khẩu sang Trung Quốc bằng đường biển, do vậy, các yếu tố về vận chuyển hàng hải sẽ có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu cao su tự nhiên Việt Nam.

4. Hạt điều

Xuất khẩu hạt điều của Việt Nam giảm trong quý I/2022, đại diện Hiệp hội Điều Việt Nam cho biết, mặc dù các thị trường Mỹ, Đức, Anh, Pháp tăng cường nhập khẩu hạt điều W320 của Việt Nam, nhưng nhiều thị trường chủ lực truyền thống của ngành điều Việt Nam lại giảm mạnh, đặc biệt là hạt điều W320, như Hà Lan, Canada, Trung Quốc, Italy, Nga.

5. Thủy sản

Nhu cầu tiêu dùng thủy sản tại Trung Quốc được dự báo tiếp tục tăng do nhu cầu tiêu dùng trong nước và phục vụ chế biến xuất khẩu. Trung Quốc kiên định với chính sách Zero Covid-19, tăng cường kiểm dịch với thủy sản đông lạnh là khó khăn chung của tất cả thị trường xuất khẩu thủy sản, không riêng Việt Nam, trong khi các doanh nghiệp Việt Nam đã dần quen với những yêu cầu mới của thị trường nên các đơn hàng dần tăng trở lại. Dự báo, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tháng

4 vẫn giữ được đà tăng trưởng tốt. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cần chú ý đáp ứng các yêu cầu phía nhập khẩu đưa ra để hạn chế tình trạng trả hàng như yêu cầu về Covid; an toàn thực phẩm.... Theo Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (NAFIQAD) từ đầu năm đến ngày 11/3, có 52 lô hàng của 36 doanh nghiệp chế biến thủy sản Việt Nam bị cảnh báo, trả về vì phát hiện virus trên mặt bao bì, kiện hàng và trên mẫu sản phẩm.

Ngoài ra, Trung Quốc cũng cảnh báo nhiều lô hàng thủy sản về chỉ tiêu phosphate (cá, tôm đông lạnh, mực khô); bệnh thủy sản IHHNV, WSSV (tôm đông lạnh); kháng sinh cấm Chloramphenicol (ốc hương sống), Cadmium (cá cơm khô, tôm sú sống).

6. Sản và sản phẩm từ sản

Ông Lê Thanh Hòa, Phó Cục trưởng Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản (Bộ Nông nghiệp và PTNT) nhận định, sản và các sản phẩm từ sản của nước ta phụ thuộc gần như hoàn toàn vào thị trường Trung Quốc, điều này dẫn đến sự thiếu bền vững và bị động. Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ sản và sản phẩm từ sản của Việt Nam có nhiều khâu trung gian, chi phí logistics của Việt Nam cao nên tính cạnh tranh quốc gia thấp, hiện phải cạnh tranh gay gắt về thị trường xuất khẩu từ các nước Thái Lan, Campuchia, Lào.

Theo dự báo của Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương), năm 2022, Trung Quốc sẽ có nhu cầu nhập khẩu sản lớn hơn nữa và sẽ nhập khẩu nhiều hơn sản và các sản phẩm từ sản của Việt Nam do điều kiện địa lý thuận lợi. Tuy nhiên, xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản sang Trung Quốc sắp tới sẽ gặp nhiều khó khăn vì hàng loạt quy định, tiêu chuẩn mới được Tổng cục Hải quan Trung Quốc ban hành và áp dụng từ đầu năm 2022.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 3/2022

Sản phẩm	Tháng 3/2022 (USD)	Tăng/giảm so T2/2022	Tăng/giảm so T3/2021	Tỷ trọng (%)
Tổng XKNLTS	978.494.700	76,8%	12,4%	100%
Cà phê	14.047.415	80,1%	6,4%	1,4%
Cao su	122.234.278	4,3%	0,6%	12,5%
Chè	165.031	37,5%	-85,6%	0,0%
Gạo	50.029.394	129,2%	-5,3%	5,1%
Gỗ và SP Gỗ	155.079.484	136,2%	11,8%	15,8%
Rau quả	197.301.949	73,3%	-23,8%	20,2%
Hàng thủy sản	182.904.699	121,6%	99,5%	18,7%
Hạt điều	19.347.165	96,3%	-58,0%	2,0%
Mây tre đan	1.051.856	104,7%	-4,8%	0,1%
Sắn & SP sắn	179.817.695	88,6%	65,7%	18,4%
TĂGS & NL	56.464.704	48,8%	59,3%	5,8%
Thịt & SP Thịt	51.030	-94,4%	-97,0%	0,0%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Trung Quốc tháng 3/2022

Loại sản phẩm	Tháng 3/2021		Tháng 3/2022		So sánh 2022/2021 (%)	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo thơm	19.813	12.663.187	46.471	28.905.275	134,5%	128,3%
Gạo nếp	75.557	38.561.027	38.670	16.696.345	-48,8%	-56,7%
Gạo trắng	2.425	1.571.140	10.862	4.258.283	347,9%	171,0%
Các loại gạo khác	23	12.762	220	119.988	855,4%	840,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê chính sang Trung Quốc tháng 3/2022

Mặt hàng	T03/2021 (USD)	T03/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Tổng	13.190.899	14.045.334	6,48%
Chưa rang chưa khử cafein	6.355.176	6.199.048	-2,46%
Khác	4.517.254	3.795.400	-15,98%
Cà phê tan	2.201.394	3.985.899	81,06%
Đã rang chưa khử cafein	117.075	63.068	-46,13%
Đã rang đã khử cafein	-	1.920	

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Trung Quốc tháng 3/2022

Sản phẩm	T3/2021 (USD)	T3/2022 (USD)	So sánh T3.2022/T3.2021
Tổng giá trị XK	258.772.950	197.301.949	-23,8%
Thanh long	100.603.760	75.622.900	-24,8%
Chuối	42.522.470	63.391.217	49,1%
Mít	16.766.851	19.887.902	18,6%
Xoài	57.505.271	13.631.380	-76,3%
Dừa	5.946.626	6.609.258	11,1%
Chanh	2.123.661	3.878.586	82,6%
Ớt	9.404.100	3.811.825	-59,5%
Dưa hấu	13.992.865	3.530.527	-74,8%
Nhãn	548.589	1.413.934	157,7%
Vải	4.572	-	-100,0%
Măng cụt	9.700	-	-100,0%
Khác	9.344.484	5.524.419	-40,9%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 3/2022

Loại sản phẩm	Tháng 3/2022 (USD)	Tháng 3/2022 (USD)	So sánh 2022/21 (%)
Cá da trơn	90.014.544,7	38.616.326,9	133,1%
Cua, ghe	123.433,6	53.300,0	131,6%
Mực và bạch tuộc	5.701.601,5	4.981.036,0	14,5%
Tôm	5.266.839,0	1.721.370,2	206,0%
Thủy sản khác	19.465.715,6	23.947.994,3	-18,7%
Tổng	182.904.699,0	91.676.784,0	99,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm sắn và sản phẩm sắn sang thị trường Trung Quốc tháng 3/2022

Sản phẩm	T3.2021 (USD)	T3.2022 (USD)	So sánh T3.2022/T3.2021
Tổng giá trị XK	108.495.868	179.817.695	65,7%
Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	35.773.432	28.969.208	-19,0%
Tinh bột sắn	72.722.436	150.848.487	107,4%

Nguồn: Tổng cục Hải quan